

XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM: CON ĐƯỜNG HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Nghiêm Xuân Khoát¹
Email: nghiemxuankhoat@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 8/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.768

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu và nhu cầu phát triển bền vững ngày càng cấp thiết, khái niệm “xã hội học tập số” đang trở thành một động lực then chốt thúc đẩy đổi mới trong giáo dục, kinh tế và đời sống xã hội. Nghiên cứu này phân tích vai trò của xã hội học tập số đối với tiến trình phát triển bền vững tại Việt Nam, dựa trên phương pháp định tính. Dữ liệu được thu thập thông qua 20 cuộc phỏng vấn sâu với các chuyên gia trong các lĩnh vực giáo dục, công nghệ, hoạch định chính sách và hoạt động cộng đồng, kết hợp với phân tích tài liệu từ UNESCO, OECD, ITU và các văn kiện chiến lược quốc gia. Kết quả cho thấy xã hội học tập số có tác động đa chiều: về kinh tế, góp phần nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; về xã hội, mở rộng cơ hội học tập suốt đời, tăng tính bao trùm và giảm bất bình đẳng; về môi trường, lan tỏa tri thức xanh và hình thành hành vi bền vững. Đồng thời, nghiên cứu xác định các yếu tố thúc đẩy như hạ tầng số, chính sách hỗ trợ, văn hóa học tập suốt đời và hợp tác công - tư, song vẫn tồn tại rào cản như chênh lệch số, hạn chế về năng lực số và sự thiếu liên kết chính sách. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các định hướng xây dựng xã hội học tập số bền vững nhằm góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: xã hội học tập số, học tập suốt đời, năng lực số, phát triển bền vững toàn diện, chuyển đổi số trong giáo dục

I. Đặt vấn đề

Bối cảnh nghiên cứu: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, giáo dục và xã hội học tập đang trải qua sự thay đổi căn bản cả về nội dung,

phương thức và công cụ triển khai. Xu hướng này không chỉ tạo ra cơ hội tiếp cận tri thức rộng rãi hơn, mà còn thúc đẩy các hình thức học tập suốt đời trở thành một phần thiết yếu của chiến lược phát

¹ Viện Kinh tế và Chính sách công, Đại học Công nghiệp Việt - Hưng

triển quốc gia (UNESCO, 2020; OECD, 2019). Ở nhiều quốc gia, xã hội học tập số đã và đang đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực số, gia tăng khả năng thích ứng của lực lượng lao động, và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững (International Telecommunication Union, 2021; UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).

Yêu cầu phát triển bền vững toàn diện - bao gồm phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường - đặt ra những thách thức mới đối với các hệ thống giáo dục. Tại Việt Nam, chủ trương xây dựng xã hội học tập gắn với học tập suốt đời đã được khẳng định như một trụ cột cho phát triển bền vững của đất nước (Tạp chí Giáo dục, 2024; Thông tấn xã Việt Nam, 2025). Các nghiên cứu và chính sách quốc tế cũng nhấn mạnh rằng học tập số và năng lực số là yếu tố không thể thiếu để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh, bao trùm và hội nhập quốc tế (International Labour Conference, 2021; Tô Lâm, 2025).

Khoảng trống nghiên cứu: Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa công nghệ số, giáo dục và phát triển kỹ năng (Selwyn, 2016; OECD, 2019), song còn thiếu những phân tích cụ thể về vai trò của xã hội học tập số trong việc thúc đẩy phát triển bền vững toàn diện, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Hiện nay, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở việc mô tả xu hướng hoặc đưa ra khung khái niệm, chưa làm rõ cơ chế và điều kiện để xã hội học tập số trở thành động lực thực sự cho phát triển kinh tế, xã hội và môi trường một cách hài hòa (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022; Thuy.T, 2025).

Mục tiêu nghiên cứu: Bài báo này nhằm đạt được ba mục tiêu chính:

1. Phân tích vai trò của xã hội học tập số trong thúc đẩy phát triển bền vững toàn diện.

2. Khám phá các yếu tố thúc đẩy và cản trở trong quá trình xây dựng xã hội học tập số ở Việt Nam.

3. Đề xuất các khuyến nghị chính sách và thực tiễn nhằm phát triển xã hội học tập số gắn với yêu cầu phát triển bền vững.

Câu hỏi nghiên cứu: Để đạt được các mục tiêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

1. Xã hội học tập số đóng vai trò như thế nào trong việc thúc đẩy phát triển bền vững toàn diện (kinh tế, xã hội, môi trường)?

2. Những yếu tố nào thúc đẩy và cản trở việc xây dựng xã hội học tập số ở Việt Nam?

3. Các khuyến nghị chính sách và giải pháp thực tiễn nào cần được triển khai để tăng cường vai trò của xã hội học tập số đối với phát triển bền vững?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm xã hội học tập số

Khái niệm xã hội học tập vốn được khẳng định từ nhiều thập kỷ trước như một định hướng phát triển toàn cầu, trong đó học tập được xem là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân trong suốt vòng đời (UNESCO, 2020). Trong bối cảnh chuyển đổi số, khái niệm này đã mở rộng thành xã hội học tập số, nhấn mạnh vai trò của công nghệ số như một công cụ trung gian giúp học tập trở nên linh hoạt, cá nhân hóa và bao trùm hơn (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).

Khác với xã hội học tập truyền thống chủ yếu dựa vào các cơ sở giáo dục, thư viện và tổ chức cộng đồng, xã hội học tập

số khai thác nền tảng dữ liệu mở, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội học tập và hạ tầng viễn thông để tạo ra cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người (Selwyn, 2016). Điểm đặc trưng then chốt của xã hội học tập số bao gồm: (i) học tập không giới hạn bởi không gian - thời gian; (ii) khả năng cá nhân hóa cao nhờ công nghệ dữ liệu và AI; (iii) kết nối xuyên biên giới, hình thành các cộng đồng học tập toàn cầu.

2.2. Phát triển bền vững toàn diện

Phát triển bền vững được xác định dựa trên ba trụ cột cơ bản: kinh tế, xã hội và môi trường (OECD, 2019). Tuy nhiên, trong bối cảnh kỷ nguyên số, các học giả và tổ chức quốc tế đã nhấn mạnh thêm chiều kích công bằng và hội nhập số, bởi khoảng cách kỹ năng và khả năng tiếp cận công nghệ có thể tạo ra bất bình đẳng mới (UNESCO, 2020). Một mô hình phát triển bền vững toàn diện đòi hỏi không chỉ tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, mà còn đảm bảo tính bao trùm xã hội thông qua việc nâng cao năng lực số và cơ hội học tập cho mọi tầng lớp, bao gồm cả những nhóm yếu thế (Tô Lâm, 2025; Thông tấn xã Việt Nam, 2025).

2.3. Mối quan hệ lý thuyết

- Năng lực số và học tập suốt đời: Việc trang bị kỹ năng số và duy trì học tập suốt đời giúp nâng cao cơ hội việc làm, năng suất lao động và khả năng sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức. Các nghiên cứu chỉ ra rằng lực lượng lao động thành thạo kỹ năng số có khả năng thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ và thị trường việc làm (International Telecommunication Union, 2021).

- Công nghệ số trong giáo dục: Ứng dụng công nghệ số có tiềm năng giảm thiểu bất bình đẳng giáo dục, mở rộng khả

năng tiếp cận học tập cho cộng đồng vùng sâu, vùng xa, từ đó thúc đẩy tính bao trùm xã hội (Hoa.L.T.M, 2024; Thuy.T, 2025).

- Hạ tầng số và quản trị: Việc đầu tư vào hạ tầng viễn thông, dữ liệu số, và năng lực quản trị chính sách là điều kiện tiên quyết để triển khai thành công các chương trình phát triển bền vững, đặc biệt khi tích hợp với các mục tiêu kinh tế xanh và công bằng xã hội (International Labour Conference, 2021).

2.4. Tổng quan nghiên cứu trước đây

Các nghiên cứu quốc tế đã có đóng góp quan trọng trong việc khẳng định vai trò của học tập suốt đời và kỹ năng số đối với phát triển bền vững. Báo cáo của OECD (2019) nhấn mạnh rằng kỹ năng số là yếu tố quyết định năng lực tham gia thị trường lao động trong kỷ nguyên công nghệ. Tương tự, ITU (2021) đã chỉ ra nhu cầu ngày càng tăng về kỹ năng số trong toàn cầu hóa, coi đây là động lực then chốt để thu hẹp khoảng cách kỹ năng giữa các quốc gia. UNESCO (2020) và UNESCO Institute for Lifelong Learning (2022) đều nhấn mạnh rằng học tập suốt đời, kết hợp với hạ tầng số, sẽ là chìa khóa để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu và chính sách bước đầu đã đề cập đến khái niệm xã hội học tập và học tập suốt đời, tuy nhiên còn dừng ở mức định hướng chính sách và xây dựng mô hình (Hoa.L.T.M, 2024; Thuy.T, 2025). Tô Lâm (2025) và VietnamPlus (2025) đều nhấn mạnh vai trò của học tập suốt đời như nền tảng để phát triển bền vững, nhưng tập trung nhiều vào khía cạnh tuyên truyền, chưa đi sâu vào phân tích khung lý thuyết hay mối quan hệ với xã hội học tập số.

Khoảng trống nghiên cứu hiện nay nằm ở chỗ: (i) hầu hết các công trình quốc

tế chỉ dừng lại ở việc phân tích kỹ năng số và học tập suốt đời như những yếu tố riêng lẻ, chưa tích hợp thành một khái niệm xã hội học tập số gắn với phát triển bền vững; (ii) ở Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu định tính hoặc so sánh quốc tế làm rõ cách xã hội học tập số có thể trở thành nền tảng cho phát triển bền vững toàn diện, đặc biệt ở cấp độ chính sách và thực tiễn triển khai. Điều này mở ra cơ hội cho nghiên cứu hiện tại trong việc kết nối ba lĩnh vực: học tập suốt đời, chuyển đổi số, và phát triển bền vững, từ đó đưa ra khung phân tích mới phù hợp với bối cảnh quốc gia đang phát triển.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính nhằm khai thác chiều sâu về nhận thức, kinh nghiệm và quan điểm của các bên liên quan đối với quá trình xây dựng xã hội học tập số trong mối liên hệ với phát triển bền vững. Phương pháp định tính được lựa chọn vì tính linh hoạt, khả năng khám phá các hiện tượng phức tạp và giải thích mối quan hệ giữa công nghệ, giáo dục và chính sách trong bối cảnh Việt Nam (Selwyn, 2016).

3.2. Thu thập dữ liệu

- **Phỏng vấn sâu:** Dữ liệu chính được thu thập thông qua 20 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với các chuyên gia thuộc bốn nhóm chính:

1. **Giáo dục (5 người):** cán bộ quản lý đại học, giảng viên, nhà nghiên cứu giáo dục.

2. **Công nghệ (5 người):** chuyên gia chuyển đổi số, chuyên viên hạ tầng viễn thông, đại diện doanh nghiệp công nghệ.

3. **Chính sách (6 người):** cán bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin

và Truyền thông, chuyên gia hoạch định chính sách công.

4. **Cộng đồng/xã hội dân sự (4 người):** đại diện thư viện công cộng, tổ chức phi chính phủ về giáo dục, và lãnh đạo cộng đồng địa phương.

Việc lựa chọn đối tượng nhằm đảm bảo sự đa dạng về lĩnh vực chuyên môn, cấp độ quản lý và góc nhìn thực tiễn. Điều này phù hợp với khuyến nghị của UNESCO (2020) và OECD (2019) về việc nghiên cứu xã hội học tập cần tiếp cận đa ngành và toàn diện.

Ngoài việc phân bổ mẫu theo lĩnh vực chuyên môn, nghiên cứu còn áp dụng các tiêu chí chọn mẫu có chủ đích (purposive sampling) nhằm bảo đảm tính đa dạng và độ tin cậy của thông tin. Các tiêu chí cụ thể bao gồm:

- (i) có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, công nghệ hoặc hoạch định chính sách liên quan đến học tập suốt đời và chuyển đổi số;

- (ii) có hiểu biết hoặc kinh nghiệm trực tiếp về triển khai các chương trình học tập số ở cấp tổ chức hoặc cộng đồng;

- (iii) sẵn sàng chia sẻ thông tin và tham gia phỏng vấn chuyên sâu kéo dài 45-60 phút.

Trong quá trình thu thập và xử lý dữ liệu, nghiên cứu tuân thủ quy trình phân tích định tính theo ba giai đoạn:

1. **Mã hóa mở:** xác định các chủ đề ban đầu liên quan đến khái niệm xã hội học tập số, vai trò, yếu tố thúc đẩy và cản trở;

2. **Mã hóa trục:** liên kết các mã theo các trụ cột phát triển bền vững (kinh tế - xã hội - môi trường);

3. **Mã hóa chọn lọc:** hình thành các chủ đề trung tâm và mối quan hệ nhân quả giữa hạ tầng số, văn hóa học tập suốt đời và các kết quả phát triển bền vững.

Kết quả mã hóa được hai nhà nghiên cứu độc lập đối chiếu để bảo đảm độ tin cậy liên chủ thể. Những điểm bất đồng được thảo luận cho đến khi đạt đồng thuận hoàn toàn.

- Phân tích tài liệu: Bổ sung dữ liệu thứ cấp từ các văn bản chiến lược và báo cáo như Chiến lược giáo dục số Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững quốc gia, cũng như các tài liệu quốc tế tiêu biểu như *OECD Skills Outlook 2019* (OECD, 2019), *Digital Skills Insights 2021* (International Telecommunication Union, 2021), và *Education for Sustainable Development: A Roadmap* (UNESCO, 2020).

3.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu phỏng vấn và tài liệu được phân tích thông qua phương pháp mã hóa chủ đề và phân tích nội dung. Quy trình phân tích gồm ba bước:

1. Mã hóa mở: xác định các chủ đề ban đầu liên quan đến xã hội học tập số, kỹ năng số, hạ tầng, và tính bền vững.

2. Mã hóa trực: nhóm các mã thành các phạm trù lớn, phản ánh ba trụ cột của phát triển bền vững.

3. Mã hóa chọn lọc: xác định các mối quan hệ chính giữa xã hội học tập số và phát triển bền vững toàn diện.

Phương pháp này giúp bảo đảm tính hệ thống trong phân tích, đồng thời duy trì sự linh hoạt để phát hiện các khía cạnh mới từ dữ liệu (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).

3.4. Khung phân tích

Nghiên cứu dựa trên khung ba trụ cột của phát triển bền vững:

- Kinh tế: Vai trò của xã hội học tập số trong nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và cơ hội việc làm (International Labour Conference, 2021).

- Xã hội: Góp phần tăng cường công bằng, mở rộng tiếp cận giáo dục và thúc đẩy học tập suốt đời cho mọi nhóm đối tượng (Hoa.L.T.M, 2024; Tô Lâm, 2025).

- Môi trường: Đóng góp gián tiếp vào phát triển xanh thông qua việc nâng cao nhận thức cộng đồng, chia sẻ tri thức bền vững và áp dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên (Thuy.T, 2025).

Việc sử dụng khung phân tích này cho phép liên kết kết quả nghiên cứu định tính với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đồng thời khẳng định xã hội học tập số không chỉ là một định hướng giáo dục mà còn là một nền tảng cho phát triển bền vững toàn diện.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1 Kết quả nghiên cứu

4.1.1 Vai trò của xã hội học tập số trong phát triển bền vững

(a) Kinh tế

Xã hội học tập số góp phần nâng cao năng suất lao động thông qua việc phổ cập kỹ năng số, kỹ năng mềm và năng lực đổi mới sáng tạo cho người lao động. Các nghiên cứu của OECD (2019) và ITU (2021) chỉ ra rằng việc đầu tư vào kỹ năng số giúp tăng khả năng thích ứng với công nghệ mới, từ đó thúc đẩy tăng trưởng năng suất và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, xã hội học tập số khuyến khích đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, khi tri thức và công nghệ trở thành nguồn lực cốt lõi.

(b) Xã hội

Về phương diện xã hội, xã hội học tập số có vai trò quan trọng trong việc giảm bất bình đẳng và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, nhất là cho nhóm yếu thế ở vùng nông thôn, miền núi và người trưởng thành

ngoài hệ thống chính quy. UNESCO (2020) và VietnamPlus (2025) nhấn mạnh rằng học tập số không chỉ giúp phổ cập tri thức mà còn thúc đẩy bao trùm xã hội, tạo điều kiện cho mọi người tham gia học tập suốt đời.

(c) *Môi trường*

Về môi trường, xã hội học tập số tạo điều kiện để cộng đồng tiếp cận tri

thức xanh và công nghệ thân thiện với môi trường, qua đó khuyến khích lối sống xanh. Ví dụ, các nền tảng học trực tuyến cung cấp khóa học về tiết kiệm năng lượng, quản lý rác thải, hoặc ứng dụng năng lượng tái tạo, góp phần thay đổi nhận thức và hành vi bền vững của người dân (Thuy.T, 2025).

Bảng 1. Vai trò của xã hội học tập số đối với phát triển bền vững

Trụ cột phát triển bền vững	Vai trò chính của xã hội học tập số	Nguồn tham khảo
Kinh tế	Nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo	OECD (2019), ITU (2021)
Xã hội	Giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội học tập, thúc đẩy bao trùm	UNESCO (2020), VietnamPlus (2025)
Môi trường	Cung cấp tri thức số về môi trường, khuyến khích lối sống xanh	Thuy.T, 2025

Nguồn: UNESCO (2020); OECD (2019); UNESCO Institute for Lifelong Learning (2022); Báo điện tử Người Lao Động (2025); Hoa.L.T.M. (2024).

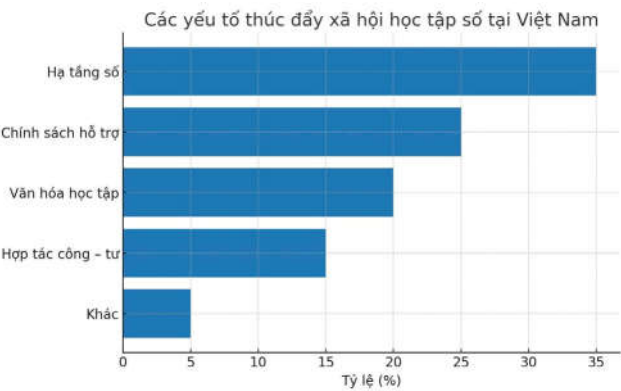
4.1.2. *Các yếu tố thúc đẩy*

1. Hạ tầng số: Sự phát triển mạnh mẽ của mạng 4G/5G, internet băng thông rộng và các nền tảng học tập trực tuyến tạo điều kiện cho xã hội học tập số phát triển (ITU, 2021).

2. Chính sách hỗ trợ: Các chương trình khuyến khích học tập suốt đời, Chiến lược Chuyển đổi số Quốc gia, và chính sách giáo dục số là nền tảng quan trọng Hoa.L.T.M. (2024).

3. Văn hóa học tập suốt đời: Việt Nam đã và đang thúc đẩy văn hóa học tập trong cộng đồng, qua các phong trào xây dựng “xã hội học tập” (Tô Lâm, 2025).

4. Hợp tác công - tư: Sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ trong phát triển nền tảng học tập số và cung cấp tài nguyên mở giúp mở rộng quy mô tiếp cận (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).



Biểu đồ 1: Các yếu tố thúc đẩy xã hội học tập số tại Việt Nam

Nguồn: UNESCO (2020); OECD (2019); International Telecommunication Union (2021); VietnamPlus (2025).

4.1.3. Các yếu tố cản trở

1. Chênh lệch số: Khoảng cách tiếp cận công nghệ giữa thành thị và nông thôn vẫn lớn, dẫn đến bất bình đẳng trong cơ hội học tập số (UNESCO, 2020).

2. Thiếu năng lực số: Nhiều người dân, đặc biệt là người cao tuổi hoặc lao động phổ thông, còn thiếu kỹ năng số cơ bản để tham gia vào xã hội học tập số (OECD, 2019).

3. Thiếu khung chính sách tích hợp: Các chính sách về chuyển đổi số, học tập suốt đời và phát triển bền vững chưa được tích hợp đồng bộ, làm giảm hiệu quả thực thi (International Labour Conference, 2021).

4. Hạn chế về tài chính: Đầu tư cho hạ tầng và tài nguyên học tập số còn hạn chế, đặc biệt trong khu vực công và vùng khó khăn (VietnamPlus, 2025).

4.2. Thảo luận

4.2.1. So sánh kết quả nghiên cứu với lý thuyết và các nghiên cứu trước

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định vai trò quan trọng của xã hội học tập số trong việc thúc đẩy phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Điều này phù hợp với lý thuyết về phát triển bền vững của UNESCO (2020), trong đó nhấn mạnh giáo dục và học tập suốt đời là động lực để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Đồng thời, phát hiện rằng năng lực số và cơ hội học tập mở rộng giúp nâng cao năng suất và đổi mới sáng tạo có sự tương đồng với báo cáo OECD Skills Outlook (2019), vốn chỉ ra rằng kỹ năng số là yếu tố quyết định khả năng thích ứng của lao động trong kỷ nguyên số.

So với các nghiên cứu trước về xã hội học tập truyền thống (Selwyn, 2016), đóng góp mới của nghiên cứu này là làm

rõ cách thức công nghệ số và hạ tầng số tạo ra một xã hội học tập linh hoạt hơn, vượt qua giới hạn không gian và thời gian. Ngoài ra, nghiên cứu bổ sung khía cạnh môi trường, cho thấy xã hội học tập số không chỉ thúc đẩy hiệu quả kinh tế - xã hội mà còn góp phần hình thành lối sống xanh, đây là một khoảng trống mà nhiều nghiên cứu trước chưa đề cập rõ ràng.

4.2.2. Phân tích tính đặc thù của bối cảnh Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy bên cạnh những cơ hội to lớn, quá trình xây dựng xã hội học tập số vẫn tồn tại nhiều thách thức đặc thù:

- Chênh lệch số: Khoảng cách tiếp cận công nghệ giữa thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư giàu - nghèo, đang cản trở việc mở rộng tính bao trùm của xã hội học tập số (VietnamPlus, 2025).

- Năng lực số chưa đồng đều: Mặc dù đã có nhiều chương trình đào tạo kỹ năng số, nhưng theo International Telecommunication Union (2021), lực lượng lao động Việt Nam vẫn thiếu kỹ năng số nâng cao để đáp ứng nhu cầu mới của nền kinh tế số.

- Khung chính sách tích hợp còn hạn chế: Việt Nam đã ban hành một số chiến lược về giáo dục số và phát triển bền vững, nhưng mức độ liên kết giữa hai lĩnh vực này vẫn chưa chặt chẽ, đặc biệt trong việc gắn giáo dục suốt đời với các mục tiêu phát triển xanh.

Những đặc thù trên cho thấy xã hội học tập số tại Việt Nam cần được xây dựng theo hướng vừa tận dụng các thành tựu công nghệ, vừa giải quyết các bất bình đẳng hiện hữu để thực sự trở thành nền tảng cho phát triển bền vững toàn diện.

4.2.3. Đề xuất khung lý thuyết mở rộng về “Xã hội học tập số bền vững”

Dựa trên kết quả nghiên cứu và đối chiếu với các khung lý thuyết quốc tế, nghiên cứu này đề xuất khung lý thuyết mở rộng về “Xã hội học tập số bền vững” (Sustainable Digital Learning Society - SDLS) với ba trụ cột và hai yếu tố nền tảng:

1. Trụ cột kinh tế: Học tập số góp phần nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Trụ cột xã hội: Học tập số tạo cơ hội tiếp cận công bằng, thúc đẩy bao trùm xã hội, giảm bất bình đẳng trong giáo dục.

3. Trụ cột môi trường: Xã hội học tập số hỗ trợ thay đổi hành vi, khuyến khích lối sống xanh và áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

4. Yếu tố nền tảng 1 - Hạ tầng số và quản trị: Hạ tầng viễn thông, nền tảng học tập trực tuyến, cùng cơ chế chính sách đóng vai trò bảo đảm khả năng tiếp cận rộng rãi.

5. Yếu tố nền tảng 2 - Văn hóa học tập suốt đời: Xây dựng một hệ giá trị coi trọng học tập liên tục, sáng tạo và chia sẻ tri thức là điều kiện cần để xã hội học tập số vận hành bền vững.

Khung lý thuyết này mở rộng so với các nghiên cứu trước (OECD, 2019; UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022) khi nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa xã hội học tập số và phát triển xanh, đồng thời phản ánh rõ đặc thù của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Dữ liệu phỏng vấn cho thấy, khái niệm “*xã hội học tập số*” tại Việt Nam không chỉ được hiểu là sự ứng dụng công nghệ trong giáo dục, mà còn là một hệ sinh thái học tập mở, trong đó con người,

công nghệ, chính sách và văn hóa học tập tương tác chặt chẽ. Một chuyên gia về chính sách giáo dục nhận định:

“Xã hội học tập số không chỉ là học trực tuyến hay kỹ năng số, mà là một không gian nơi mỗi người có thể học, dạy và chia sẻ tri thức thông qua công nghệ - điều này thay đổi cách chúng ta hiểu về giáo dục và phát triển.”

Từ dữ liệu thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất mô hình lý thuyết sơ khởi về Xã hội học tập số tại Việt Nam, trong đó:

- Yếu tố nền tảng gồm hạ tầng số và chính sách hỗ trợ;
- Yếu tố động lực là văn hóa học tập suốt đời và năng lực số của công dân;
- Kết quả tác động hướng tới ba mục tiêu phát triển bền vững: tăng trưởng kinh tế sáng tạo, bao trùm xã hội và hành vi môi trường tích cực.

Mô hình này không chỉ thể hiện mối quan hệ tuyến tính mà còn nhấn mạnh tính hệ sinh thái - nơi các yếu tố tương tác hai chiều và củng cố lẫn nhau. Đây được xem như khung lý thuyết sơ khởi để tiếp tục kiểm chứng trong các nghiên cứu định lượng sau này.

V. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy xã hội học tập số đóng vai trò nền tảng trong việc hiện thực hóa phát triển bền vững toàn diện. Trên trụ cột kinh tế, xã hội học tập số góp phần nâng cao năng suất lao động, khuyến khích đổi mới sáng tạo và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia (OECD, 2019). Trên trụ cột xã hội, việc mở rộng cơ hội tiếp cận học tập và thúc đẩy học tập suốt đời giúp giảm bất bình đẳng, xây dựng nền giáo dục bao trùm (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022). Trên trụ cột môi trường,

học tập số và tri thức xanh góp phần thúc đẩy lối sống bền vững, khuyến khích ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường (UNESCO, 2020).

Nhìn chung, xã hội học tập số tại Việt Nam không chỉ mang ý nghĩa công cụ trong chuyển đổi số, mà còn là động lực chiến lược để đạt được mục tiêu phát triển bền vững toàn diện.

5.2. Khuyến nghị

5.2.1. Chính sách

Trước hết, cần tích hợp chiến lược xây dựng xã hội học tập số vào các chiến lược quốc gia về phát triển bền vững và chuyển đổi số. Việc tích hợp này bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ trong định hướng phát triển lâu dài, đồng thời giúp tránh tình trạng phân mảnh trong hoạch định chính sách. Một xã hội học tập số không chỉ dừng lại ở việc hiện đại hóa giáo dục, mà còn gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế xanh, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững toàn diện (UNESCO, 2020).

Thứ hai, cần thiết lập một cơ chế phối hợp liên ngành giữa giáo dục, công nghệ thông tin, môi trường và lao động - việc này giúp tạo ra một hệ sinh thái chính sách liên kết, tận dụng được lợi thế của từng lĩnh vực để tạo ra hiệu quả tổng hợp. Ví dụ, chính sách giáo dục số phải gắn liền với hạ tầng công nghệ, đồng thời phản ánh các ưu tiên về giảm phát thải, phát triển năng lượng sạch và tạo việc làm xanh. Một hệ thống phối hợp chặt chẽ sẽ giúp tránh chồng chéo trong triển khai chính sách, đồng thời tạo điều kiện cho việc đo lường và đánh giá hiệu quả theo tiêu chí thống nhất (VietnamPlus, 2025).

Ngoài ra, cần xem xét xây dựng một khung pháp lý toàn diện về xã hội học tập

số, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý, doanh nghiệp công nghệ, trường học, tổ chức xã hội và cá nhân tham gia. Điều này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai xã hội học tập số ở quy mô quốc gia, góp phần vào sự hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trong kỷ nguyên số (OECD, 2019).

5.2.2. Giáo dục

Trong lĩnh vực giáo dục, việc đẩy mạnh triển khai giáo dục số và học tập suốt đời gắn với kỹ năng số thiết yếu cho công dân được coi là yêu cầu cấp thiết. Nền kinh tế số đòi hỏi nguồn nhân lực có khả năng làm việc trong môi trường toàn cầu hóa, sáng tạo và đổi mới liên tục. Do đó, năng lực số cần được coi là năng lực cốt lõi bên cạnh năng lực chuyên môn. Việc triển khai giáo dục số một cách toàn diện sẽ giúp người học thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường lao động và tham gia tích cực vào xã hội tri thức (ITU, 2021).

Song song đó, cần tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) vào cả chương trình đào tạo chính quy và phi chính quy. Điều này bảo đảm mỗi cá nhân không chỉ học để làm việc, mà còn học để sống hài hòa với môi trường và cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững về cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường (Hoa.L.T.M, 2024; UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).

Một điểm quan trọng khác là xây dựng cơ chế học tập linh hoạt thông qua hệ thống tín chỉ, học liệu mở, và công nhận kết quả học tập ngoài chính quy. Điều này giúp người học có cơ hội cập nhật liên tục kỹ năng số và kỹ năng xanh, giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt ở nhóm lao động phi chính thức hoặc ở khu vực nông thôn, miền núi (Tô Lâm, 2025).

Cuối cùng, cần khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức xã hội hợp tác để phát triển các chương trình đào tạo liên ngành, nơi công nghệ số không chỉ là công cụ, mà còn là nền tảng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm định chất lượng, qua đó xây dựng một xã hội học tập số bền vững.

5.2.3. Hạ tầng

Về hạ tầng, một xã hội học tập số bền vững không thể hình thành nếu thiếu nền tảng công nghệ đồng bộ và toàn diện. Do đó, cần đầu tư phát triển hạ tầng số bao gồm mạng băng rộng tốc độ cao, thiết bị truy cập công nghệ, nền tảng dữ liệu mở, và các công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến. Việc ưu tiên đầu tư cho các khu vực nông thôn, miền núi và vùng sâu vùng xa là hết sức cần thiết, nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư, bảo đảm nguyên tắc công bằng và bao trùm trong tiếp cận tri thức (OECD, 2019).

Song song đó, việc xây dựng và phổ biến các nền tảng học tập mở, miễn phí hoặc chi phí thấp là yếu tố quan trọng để mọi công dân, không phân biệt điều kiện kinh tế - xã hội, đều có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ xã hội học tập số. Những nền tảng này có thể bao gồm kho học liệu mở (OER), các khóa học trực tuyến đại chúng (MOOCs), cũng như hệ sinh thái học tập cá nhân hóa dựa trên trí tuệ nhân tạo. Theo International Telecommunication Union (2021), việc phổ cập hạ tầng số và cung cấp nền tảng học tập mở chính là chìa khóa để nâng cao năng lực số toàn dân, tạo động lực cho phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Ngoài ra, cần thiết lập các trung tâm học tập cộng đồng số tại các địa phương, kết nối với thư viện, trường học và doanh nghiệp để hỗ trợ người dân truy cập tài

nguyên số, từ đó tạo ra mạng lưới học tập đa tầng, góp phần xây dựng xã hội học tập số bền vững.

5.2.4. Xã hội

Ở cấp độ xã hội, việc hình thành và phát triển cộng đồng học tập số có ý nghĩa quyết định. Các cộng đồng này không chỉ đóng vai trò là nơi chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, mà còn là không gian hợp tác sáng tạo, nơi người học cùng nhau giải quyết các vấn đề phát triển bền vững như biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, hay khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (UNESCO Institute for Lifelong Learning, 2022).

Bên cạnh đó, cần nuôi dưỡng một văn hóa học tập liên tục trong gia đình, nhà trường, doanh nghiệp và toàn xã hội. Khi học tập được xem như một phần tự nhiên của đời sống hằng ngày, công dân sẽ chủ động cập nhật tri thức, rèn luyện kỹ năng mới và nâng cao khả năng thích ứng trước những thay đổi nhanh chóng của kỷ nguyên số. Như Báo Người Lao Động (2025) đã nhấn mạnh, học tập suốt đời không chỉ là yêu cầu để nâng cao năng lực cá nhân mà còn là nền tảng cho phát triển bền vững của quốc gia.

Hơn nữa, các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp cần tham gia tích cực vào việc xây dựng các mạng lưới học tập số. Điều này sẽ giúp gắn kết việc học tập với nhu cầu thực tiễn, bảo đảm rằng tri thức không chỉ được tiếp nhận một chiều mà còn được trao đổi, ứng dụng và nhân rộng trong cộng đồng.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này chủ yếu dựa trên phương pháp định tính và dữ liệu tại Việt Nam, do đó còn hạn chế trong việc đo lường định lượng mức độ tác động của

xã hội học tập số đến phát triển bền vững. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể:

- Tiến hành các nghiên cứu định lượng quy mô lớn để kiểm chứng và khái quát hóa kết quả.

- Mở rộng phạm vi khảo sát sang nghiên cứu so sánh đa quốc gia, đặc biệt giữa các quốc gia đang phát triển và phát triển, nhằm rút ra những mô hình điển hình và bài học chính sách phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Tô Lâm. (2025). *Học tập suốt đời để phát triển bền vững*. Người Lao Động. (2025, tháng 3)
- [2]. International Telecommunication Union. (2021). *Digital Skills Insights 2021*. ITU Publications.
- [3]. OECD. (2019). *OECD Skills Outlook 2019: Thriving in a Digital World*. OECD Publishing.
- [4]. Selwyn, N. (2016). *Education and Technology: Key Issues and Debates* (2nd ed.). Routledge.
- [5]. Hoa.L.T.M. (2024). *Chủ trương xây dựng và phát triển xã hội học tập ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục. (7/8/2024)
- [6]. Thông tấn xã Việt Nam. (2025). *Học tập suốt đời - nền tảng phát triển bền vững của đất nước*. VietnamPlus. (11/3/2025)
- [7]. Thuy.T. (2025). *Phát triển thư viện số góp phần xây dựng xã hội học tập và nâng cao năng lực số cho thế hệ trẻ*. Trang thông tin điện tử Bộ văn hóa, Thể thao và du lịch (17/7/2025)
- [8]. UNESCO. (2020). *Education for Sustainable Development: A Roadmap*. UNESCO Publishing.
- [9]. UNESCO Institute for Lifelong Learning. (2022). *Futures of Lifelong Learning: Transforming Education in the Digital Age*. UIL Publications.
- [10]. International Labour Conference. (2021). *Shaping Skills and Lifelong Learning for the Future of Work, 109th Session, 2021*.

BUILDING A SUSTAINABLE DIGITAL LEARNING SOCIETY IN VIETNAM: PATHWAYS TO COMPREHENSIVE DEVELOPMENT

Nghiem Xuan Khoat²

Abstract: *In the context of global digital transformation and the demand for comprehensive sustainable development, the concept of a “digital learning society” emerges as a new driver of change in education, economy, and society. This paper focuses on analyzing the role of the digital learning society in sustainable development in Vietnam, using a qualitative research approach. Data were collected from 20 in-depth interviews with experts in education, technology, policy, and community, combined with document analysis from UNESCO, OECD, ITU, and national policy papers. The findings reveal that the digital learning society has multidimensional impacts: (i) economically, it enhances labor productivity and fosters innovation; (ii) socially, it expands lifelong learning opportunities, reduces inequalities, and increases inclusiveness; (iii) environmentally, it promotes green knowledge and sustainable behaviors. At the same time, the study identifies enabling factors such as digital infrastructure, supportive policies, lifelong learning culture, and public-private partnerships, alongside barriers such as the digital divide, limited digital capacity, and constraints in integrated policy frameworks. Building on this, the paper proposes a recommendation framework to develop a sustainable digital learning society, contributing to the realization of comprehensive sustainable development goals in Vietnam.*

Keywords: *digital learning society, lifelong learning, digital competence, comprehensive sustainable development, digital transformation in education*

² Director, Institute of Economics and Public Policy, Vietnam-Hungary University of Industry